

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NHÂN CÁCH CỦA TRẺ CÓ PHONG CÁCH NHẬN THỨC ĐỘC LẬP VÀ PHONG CÁCH NHẬN THỨC PHỤ THUỘC

Trần Thị Nga

Trường Cao đẳng Sư phạm Mẫu giáo TW1.

Phong cách nhận thức độc lập - phụ thuộc (PCNTĐL - PT) được hiểu là những khác biệt cá nhân trong năng lực tách biệt đối tượng (item) nhận thức khỏi bối cảnh hay trường của nó (field or context) (Witkin, 1974). Hay nói theo cách khác, PCNTĐL - PT được định nghĩa là "sự khác biệt cá nhân ở mức độ độc lập với các dấu hiệu ngoại cảnh (bên ngoài) trong nhận thức" (Witkin & Goodenough, 1977).

Trên cơ sở lý luận về đặc điểm nhân cách của người có PCNTPT hay PCNTĐL, chúng tôi đã nghiên cứu một số đặc điểm nhân cách của trẻ mẫu giáo (3 - 6 tuổi). Các biểu hiện đặc điểm nhân cách của trẻ có PCNTPT và ĐL được đánh giá theo các nội dung quan hệ với bạn bè, quan hệ với giáo viên và thực hiện các nội dung học tập.

Số liệu nghiên cứu của chúng tôi trên 93 trẻ mẫu giáo ở ba độ tuổi (3 - 4, 4 - 5 và 5 - 6 tuổi) tại các trường mầm non thành phố Hà Nội từ năm 2000 - 2003 cho phép đưa ra những kết luận sau:

Thứ nhất, trong hoạt động hàng ngày, trẻ có PCNTPT khác với trẻ có PCNTĐL ở cách thức ứng xử với nhân tố con người. Trong các tình huống khó khăn hoặc các tình huống đòi hỏi phải giải quyết một vấn đề nào đó, trẻ có PCNTPT thường có xu hướng dựa vào người khác như nguồn cung cấp thông tin để đưa ra quyết định hoặc ý kiến của bản thân. Trong khi đó, trẻ có PCNTĐL trong các tình huống tương tự thường tỏ ra tự lập, tự chủ hơn, ít bị chi phối bởi mọi người xung quanh. Ở thực nghiệm đo mức độ ảnh hưởng của thái độ giáo viên đối với hành vi thực hiện bài tập và kết quả thực hiện bài tập cắt dán của trẻ có PCNTĐL và trẻ có PCNTPT cho thấy, trẻ PT biểu hiện thái độ nhạy cảm và chú ý cao đến môi trường xã hội. Trong tình huống không được động viên, khen ngợi (giáo viên nói: "Các con làm chậm quá" hay "Nhóm này làm chậm và dán xấu lắm đấy"...), trẻ PT sẽ nhìn, hỏi và yêu cầu giáo viên hướng dẫn, giải thích nhiều hơn (72% so với 38% ở trẻ ĐL). Kết quả thực hiện bài tập của trẻ PT cũng thấp hơn. Ngược lại, trong tình huống được động viên khuyến khích, tần suất biểu hiện các hành vi nhìn, hỏi, yêu cầu giải thích, làm mẫu ở trẻ PT và ĐL là tương đương nhau (52% và 48%). Kết quả thực hiện bài tập của trẻ PT cũng không thấp hơn trẻ ĐL. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, trẻ PT do nhạy cảm hơn với xúc cảm của

mọi người xung quanh, dễ hoà hợp và sẵn sàng giúp đỡ bạn bè nên có khả năng giải quyết xung đột xảy ra trong nhóm bạn bè tốt hơn trẻ ĐL.

Thứ hai, trẻ có PCNTPT biểu hiện sự quan tâm, chú ý đến các yếu tố xã hội một cách có chọn lọc hơn trẻ ĐL. Ngược lại, trẻ có PCNTĐL thường bỏ qua hay không để ý đến những dấu hiệu "gợi ý" của người khác. Trong giao tiếp, hoạt động trẻ PT thường nhìn vào mặt, thậm chí vào mắt người giao tiếp, hoạt động với mình. Do đó, thường có ưu thế hơn trẻ ĐL trong việc nhận và nhớ lại khuôn mặt, lời nói và các đặc điểm khác của mọi người mà trẻ tiếp xúc.

Kết quả thực nghiệm cho thấy, trong điều kiện thực nghiệm, khi nghiệm viên đưa ra các "gợi ý" mang tính xã hội (liếc nhìn, nháy mắt, hắt hàm, hoặc làm như vô tình nhặt hình cần chọn), trẻ có PCNTPT thực hiện bài tập tốt hơn trẻ ĐL do những trẻ này chú ý đến nét mặt, điệu bộ của nghiệm viên và nhạy cảm với các dấu hiệu "gợi ý" của nghiệm viên. Trong điều kiện đối chứng, giáo viên không đưa ra các "gợi ý xã hội", mà đưa ra các gợi ý "mang tính công việc": giáo viên tự mình cũng xếp hình trong tầm nhìn của trẻ khi yêu cầu trẻ xếp hình tương tự. Quan sát cho thấy, trẻ PT thường nhìn vào mặt, trong khi trẻ ĐL lại nhìn thường xuyên vào hành động xếp hình của giáo viên. Kết quả là trẻ ĐL thực hiện bài tập tốt hơn trẻ PT. Giao tiếp của trẻ PT với mọi người xung quanh mang tính xã hội cao và trẻ thường có ưu thế hơn khi giải quyết các vấn đề liên quan đến các yếu tố xã hội. Ngược lại, trẻ ĐL biểu hiện rõ xu hướng công việc trong giao tiếp với mọi người xung quanh.

Thứ ba, so với trẻ có PCNTĐL, trẻ có PCNTPT biểu hiện hứng thú cao đối với con người. Hứng thú đối với con người của trẻ PT thể hiện khuynh hướng chọn lọc của cá nhân đối với các cá nhân khác trong đó có sự tham gia của ý thức, tình cảm và hành động ý chí của trẻ. Trẻ khao khát được gần gũi bạn bè, cô giáo, cởi mở, tự nhiên với mọi người. Trẻ thường biểu hiện xúc cảm và hành động tích cực khi giao tiếp với bạn bè, người lớn, mong muốn kéo dài thời gian tiếp xúc, chủ động giao tiếp với mọi người và cảm thấy sung sướng, hạnh phúc khi được chia sẻ kinh nghiệm với người khác.

Kết quả thực nghiệm đo hứng thú gần gũi, tiếp xúc với người khác cho thấy, khi có giáo viên khác vào nhóm, bày tỏ nhu cầu được chơi cùng và được giúp đỡ, trẻ ĐL và PT có những phản ứng tiếp xúc khác nhau với nghiệm viên. Trẻ PT nhanh chóng tiếp cận nghiệm viên với các phản ứng tích cực như ngừng chơi, chạy lại cầm tay cô, mỉm cười, hỏi chuyện cô, kéo tay rủ chơi cùng, sà vào bóp tay cho cô, an ủi, xuýt xoa, lo lắng cho cô giáo v.v... Ngược lại, trẻ ĐL tỏ thái độ ít quan tâm tới cô giáo, không có hoặc ít có các phản ứng xúc cảm và hành động, nhìn cô với ánh mắt dò hỏi và sau đó lại tiếp tục công việc của mình.

Trẻ có PCNTĐL thường giữ khoảng cách cả về xúc cảm và đụng chạm cơ thể với người khác, thích làm việc và chơi một mình, ít chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc và ý kiến với bạn bè và cô giáo.

Thứ tư, trẻ có PCNTPT dễ hoà nhập với bạn bè hơn trẻ có PCNTĐL, luôn tự nhiên, cởi mở với bạn bè khi chơi. Những trẻ này dễ dàng thiết lập các quan hệ tiếp xúc, tích cực chủ động tạo ra các quan hệ, dễ dàng thích nghi với nhóm bạn, dễ thay

đổi ý kiến theo các bạn, ít gây xung đột. Trẻ PT có xu hướng đánh giá bạn bè theo hướng tích cực, ít có thái độ và ngôn ngữ "thù hằn" với bạn bè. Do đó, trẻ PT thường được bạn bè yêu quý, biết và chơi với nhiều bạn hơn và cũng được nhiều bạn biết và chơi cùng.

Ngược lại, trẻ có PCNTĐL thường khó thích ứng với sự thay đổi, ít cởi mở, khó thay đổi ý kiến và thái độ của bản thân đối với bạn bè. Những trẻ này dễ bộc lộ thái độ, ngôn ngữ và hành động tiêu cực, thù hằn đối với bạn và người khác.

Thứ năm, trong các lĩnh vực chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non, trẻ PCNTĐL tỏ ra có hứng thú và ưu thế hơn trong các lĩnh vực đòi hỏi khả năng phân tích, khái quát hoá cao, nhất là ở các bài tập đòi hỏi kỹ năng tổ chức lại, sắp xếp lại. Quan sát tiết học "Định hướng không gian từ hướng nhìn của người khác", trẻ ĐL dễ dàng xác định được vị trí của các vật trong phòng theo hướng nhìn của búp bê, trong khi trẻ PT lúng túng không biết sắp xếp các vật vào vị trí cần thiết.

Tóm lại, để nhận thức thế giới sự vật và thế giới con người, đòi hỏi phong cách nhận thức và các "chiến lược" nhận thức khác nhau. Cá nhân có ưu thế hơn về nhận thức xã hội sẽ có xu hướng hướng ngoại, tới các nhân cách khác, trong khi đó, các cá nhân có ưu thế hơn về tư duy trừu tượng, độc lập, bộc lộ rõ xu hướng hướng nội, hướng tới các vật thể. Xu hướng này xuất hiện ngay từ lứa tuổi mẫu giáo. Kết quả giải quyết nhiệm vụ thứ hai của đề tài cho phép đưa ra kết luận trên.

Tài liệu tham khảo

1. Margaret Donaldson (Trần Trọng Thủy dịch). *Hoạt động tư duy của trẻ em*. NXB Giáo dục, 1996.
2. N.X. Laytex. *Năng lực trí tuệ và lứa tuổi*. NXB Giáo dục, T. 1, 2, 1980.
3. L.E. Berk. *Child Development*. Allyn and Bacon, 1989.
4. H.A. Witkin & D.R. Goodenough. *Fiel Dependent and Interpersonal Behaviour*. Psychological Bulletin, 84 (4), p. 661 - 689, 1977.